

LUẬN VĂN:

**Hoàn thiện kế toán tài sản cố định hữu
hình tại Công ty Cổ Phần Thương Mại
Du Lịch Vĩnh Phúc**

Lời mở đầu

Tài sản cố định là những tư liệu lao động chủ yếu có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài trong doanh nghiệp, phù hợp với chuẩn mực kế toán hiện hành ghi nhận TSCĐ. Trong các doanh nghiệp kinh doanh dịch vụ, TSCĐ chiếm một vị trí hết sức quan trọng, nó không chỉ quyết định tình trạng kỹ thuật, quy mô năng lực sản xuất của doanh nghiệp mà còn là tiền đề, là cơ sở để các doanh nghiệp tiến hành sản xuất kinh doanh. Việc đầu tư lắp đặt các TSCĐ và tổ chức quản lý, sử dụng TSCĐ một cách hợp lý, phát huy được tối đa công suất máy móc hiện có vào quá trình kinh doanh dịch vụ sẽ tạo điều kiện cho các doanh nghiệp hạ bớt được chi phí dịch vụ, hạ giá thành sản phẩm, tăng khả năng cạnh tranh của sản phẩm mà mình cung cấp cho khách hàng từ đó có thể tăng doanh thu và lợi nhuận

Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc tuy mới được thành lập và đi vào hoạt động được gần 5 năm nhưng do đặc điểm ngành nghề kinh doanh của Công ty – kinh doanh dịch vụ câu lạc bộ, massager, lễ hành, phục vụ ăn nghỉ nhưng Công ty có một quy mô rất lớn về TSCĐ. Hiện nay tổng giá trị TSCĐ của Công ty là 5.306 triệu đồng, chưa kể những hạng mục công trình mà Công ty đang đầu tư, xây dựng lắp đặt chưa hoàn thành.

Sau một thời gian thực tập được tiếp xúc nghiên cứu tìm hiểu thực tế công tác kế toán TSCĐ nhận thấy tầm quan trọng của TSCĐ đối với việc cung ứng dịch vụ của Công ty em đã mạnh dạn chọn đề tài “ ***Hoàn thiện kế toán tài sản cố định hữu hình tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc***” để đi sâu nghiên cứu.

Nội dung của chuyên đề ngoài phần mở đầu và kết luận gồm các phần chính sau đây:

Phần I: Cơ sở lý luận chung về kế toán TSCĐ ở các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, dịch vụ.

Phần II: Thực trạng kế toán TSCĐ hữu hình tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc.

Phần III: Một số ý kiến nhằm hoàn thiện kế toán TSCĐ Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc

Phần I:

Cơ sở lý luận chung về kế toán TSCĐ ở các doanh nghiệp kinh doanh du lịch, dịch vụ

1. Tài sản cố định, vị trí và phân loại tài sản cố định

1.1 Khái niệm và đặc điểm của tài sản cố định

a, Khái niệm về tài sản cố định

- Tài sản cố định là những tư liệu lao động có giá trị lớn có thời gian sử dụng lâu dài phù hợp với chuẩn mực kế toán ghi nhận tài sản cố định hiện hành. Chúng tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái vật chất ban đầu, chỉ có giá trị và giá trị sử dụng của chúng bị hao mòn dần và được dịch chuyển dần vào chi phí sản xuất kinh doanh ở mỗi kỳ.

b, Đặc điểm của tài sản cố định

Xuất phát từ khái niệm trên TSCĐ có những đặc điểm sau: TSCĐ là những tư liệu lao động chủ yếu nó khác với tư liệu lao động khác tham gia vào quá trình sản xuất là: có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu phù hợp theo chuẩn mực kế toán về TSCĐ ở mỗi nước. Theo chuẩn mực kế toán Việt Nam hiện nay những tư liệu lao động được gọi là TSCĐ phải thỏa mãn bốn tiêu chuẩn ghi nhận sau:

- Chắc chắn thu được lợi ích kinh tế trong tương lai từ việc sử dụng tài sản đó
- Nguyên giá tài sản phải được xác định một cách đáng tin cậy
- Có thời gian sử dụng trên một năm
- Có đủ tiêu chuẩn giá trị theo quy định hiện hành

TSCĐ tham gia vào nhiều chu kỳ sản xuất kinh doanh nhưng vẫn giữ nguyên hình thái ban đầu nhưng giá trị và giá trị sử dụng của chúng lại bị hao mòn dần trong quá trình sử dụng, phần giá trị của chúng đã khấu hao được chuyển dịch thành chi phí cấu thành nên giá thành sản phẩm của từng kỳ. Việc tính toán xác định chính xác hợp lý phần giá trị hao mòn của TSCĐ vào chi phí sản xuất kinh doanh phụ thuộc vào cách thức, phương pháp trích lập khấu hao và đặc điểm ngành nghề kinh doanh của mỗi doanh nghiệp. Mặt khác nó cũng ít nhiều bị tác động bởi những chính sách chế độ của nhà nước.

Trong điều kiện của nền kinh tế thị trường các TSCĐ của doanh nghiệp nó được coi như là một loại hàng hoá thông thường có đủ giá trị và giá trị sử dụng, thông qua mua bán trao đổi các TSCĐ có thể được chuyển dịch từ chủ thể này sang chủ thể khác.

c, Vai trò của TSCĐ trong quá trình sản xuất

TSCĐ là những tư liệu lao động chủ yếu có giá trị lớn và thời gian sử dụng lâu dài. Trong quá trình sản xuất TSCĐ tác động lên đối tượng lao động (vật liệu, nhiên liệu...) thành các sản phẩm hàng hoá theo ý muốn của các chủ doanh nghiệp.

Vì là những tư liệu lao động chủ yếu nên TSCĐ có vị trí hết sức quan trọng: Nó là tiền đề, là cơ sở để duy trì và thực hiện các hoạt động SXKD của doanh nghiệp đồng thời nó là yếu tố quyết định đến năng lực sản xuất, trình độ kỹ thuật và quy mô hoạt động của từng doanh nghiệp.

Việc đầu tư trang bị và tổ chức quản lý, sử dụng TSCĐ một cách hợp lý và phù hợp với điều kiện thực tế đặc điểm ngành nghề kinh doanh của doanh nghiệp sẽ tạo điều kiện cho doanh nghiệp nâng cao được năng suất lao động giảm thiểu chi phí hạ giá thành sản phẩm từ đó có thể làm tăng khả năng cạnh tranh của những sản phẩm mà mình sản xuất và cung ứng trên thị trường .

1.2. Phân loại TSCĐ

Để thuận lợi cho việc quản lý sử dụng và hạch toán TSCĐ cần phân chia TSCĐ theo những tiêu thức nhất định. Thông thường có những cách phân loại sau đây

a, Phân loại tài sản theo hình thái biểu hiện

Theo cách phân loại này TSCĐ được chia làm hai loại đó là: TSCĐ hữu hình và TSCĐ vô hình.

- TSCĐ hữu hình là những TSCĐ chủ yếu được biểu hiện dưới hình thái vật chất cụ thể như: nhà xưởng, máy móc, thiết bị, phương tiện vận tải...

- TSCĐ vô hình là những TSCĐ chủ yếu được biểu hiện dưới hình thức như: Quyền sử dụng đất, bản quyền tên nhãn hiệu hàng hoá.

Thông qua cách phân loại này giúp cho nhà quản trị doanh nghiệp có một cách nhìn tổng thể về cơ cấu vốn đầu tư cho họ có những quyết định đầu tư hoặc điều chỉnh cơ cấu đầu tư sao cho phù hợp và hiệu quả nhất, đồng thời giúp cho doanh nghiệp có biện pháp quản lý tài sản tính toán khấu hao khoa học và hợp lý đối với từng loại tài sản.

b, Phân loại TSCĐ theo quyền sở hữu

Căn cứ vào quyền sở hữu các TSCĐ của doanh nghiệp được phân chia thành: - TSCĐ tự có là TSCĐ được hình thành từ nguồn vốn chủ sở hữu của doanh nghiệp, nguồn vốn đi vay, nguồn vốn liên doanh hoặc ngân sách Nhà nước, cấp trên cấp. Đây là những tài sản cố định thuộc quyền sở hữu của doanh nghiệp và được phản ánh trên bảng cân đối kế toán của doanh nghiệp.

- TSCĐ thuê ngoài là những TSCĐ mà doanh nghiệp phải đi thuê để sử dụng trong một thời gian nhất định theo hợp đồng thuê tài sản. Tùy theo điều khoản của hợp đồng thuê tài sản mà TSCĐ đi thuê được phân thành TSCĐ thuê tài chính và TSCĐ thuê lao động.

Cách phân loại này giúp cho việc quản lý và tổ chức hạch toán phù hợp theo từng loại TSCĐ góp phần sử dụng hợp lý và có hiệu quả TSCĐ.

c, Phân loại TSCĐ theo đặc trưng

- Theo cách phân loại này toàn bộ TSCĐ của doanh nghiệp được chia thành:

- + Nhà cửa, vật kiến trúc
- + Máy móc thiết bị
- + Phương tiện vận tải, truyền dẫn
- + Thiết bị dụng cụ quản lý
- + Cây lâu năm, gia súc
- + TSCĐ khác

Việc phân chia TSCĐ theo tiêu chuẩn trên giúp cho công tác quản lý và hạch toán chi tiết cụ thể theo từng loại, nhóm TSCĐ. Thông qua đó có phương pháp trích lập khấu hao phù hợp đối với từng loại, nhóm TSCĐ ngoài những cách phân loại trên người ta còn có cách phân loại TSCĐ theo những tiêu thức và yêu cầu quản lý cụ thể khác để phân loại TSCĐ như: Phân loại TSCĐ theo tình hình sử dụng, phân loại TSCĐ theo mục đích sử dụng.

1.3. Đánh giá tài sản cố định

a, Đánh giá theo nguyên giá của TSCĐ

Nguyên giá của TSCĐ là toàn bộ chi phí mà doanh nghiệp phải bỏ ra để có được TSCĐ và đưa TSCĐ đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên giá TSCĐ được đánh giá theo nguyên tắc giá phí bao gồm toàn bộ chi phí liên quan đến việc mua sắm hoặc xây dựng, tự chế tạo lắp đặt kể cả chi phí vận chuyển, lắp đặt, chi phí chạy thử và các chi phí hợp lý cần thiết khác để đưa TSCĐ vào vị trí sẵn sàng sử dụng. Nguyên giá TSCĐ được xác định trong từng trường hợp cụ thể sau:

- TSCĐ được hình thành từ việc mua sắm: Nguyên giá TSCĐ hữu hình được tính bao gồm giá mua (trừ các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán) các khoản thuế (không bao gồm các khoản thuế được hoàn lại) và các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ đó vào vị trí sẵn sàng sử dụng như: Chi phí chuẩn bị mặt bằng, chi phí vận chuyển bốc xếp, chi phí lắp đặt chạy thử (trừ các khoản thu hồi về phế liệu, sản phẩm do chạy thử) chi phí liên quan trực tiếp khác.

- TSCĐ hữu hình do đầu tư cơ xây dựng cơ bản theo phương thức giao thầu: Đối với TSCĐ hữu hình hình thành do đầu tư xây dựng theo phương pháp nguyên giá là giá quyết toán công trình cộng các chi phí liên quan trực tiếp khác và lệ phí trước bạ (nếu có)

- TSCĐ hữu hình tự xây dựng hoặc tự chế: Nguyên giá TSCĐ thuộc loại này là giá thành thực tế của TSCĐ tự xây dựng hoặc tự chế cộng với chi phí lắp đặt chạy thử, các chi phí liên quan trực tiếp khác. Trường hợp doanh nghiệp dùng sản phẩm mình sản xuất ra để chuyển thành TSCĐ thì nguyên giá của nó chính là chi phí sản xuất ra nó cộng với các chi phí liên quan trực tiếp khác để đưa TSCĐ đó vào vị trí sẵn sàng sử dụng. Trong trường hợp này mọi khoản lãi lỗ nội bộ không được tính vào nguyên giá TSCĐ kể cả các chi phí hợp lý, hợp lệ khác.

- TSCĐ mua dưới hình thức trao đổi: Nguyên giá tài sản cố định hữu hình mua dưới hình thức trao đổi với một hình thức trao đổi với một TSCĐ hữu hình không tương tự hoặc tài sản khác được xác định theo giá trị hợp lý của TSCĐ nhận về hoặc giá trị hợp lý của tài sản đem đi trao đổi sau khi điều chỉnh các khoản tiền hoặc tương đương tiền trả thêm hoặc thu về. Đối với trường hợp trao đổi với một tài sản tương tự, nguyên giá TSCĐ nhận về được tính bằng giá trị còn lại của TSCĐ đem đi trao đổi trong trường hợp này không được tính vào nguyên giá TSCĐ nhận về những khoản lãi hay lỗ.

- TSCĐ được Nhà nước, cấp trên cấp hay được biếu tặng được xác định theo giá trị hợp lý ban đầu cộng với chi phí hợp lý hợp lệ khác liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ đó vào vị trí sẵn sàng sử dụng.

Trong quá trình quản lý sử dụng TSCĐ các doanh nghiệp không tự ý thay đổi nguyên giá của chúng trừ các trường hợp sau:

+ Đánh giá lại TSCĐ

+ Xây dựng, trang bị, cải tạo, nâng cấp, làm tăng năng lực và kéo dài thời gian sử dụng TSCĐ

+ Tháo dỡ bớt một hoặc một số bộ phận làm giảm giá trị của TSCĐ.

b, Đánh giá TSCĐ theo giá trị còn lại

Giá trị còn lại của TSCĐ là nguyên giá sau khi trừ đi số khấu hao lũy kế của tài sản đó. Trong quá trình sử dụng TSCĐ đã bị hao mòn dần, có hai loại hao mòn làm cho giá trị và giá trị sử dụng của TSCĐ bị suy giảm đó là hao mòn hữu hình. Hiện nay do sự phát triển của khoa học kỹ thuật và sự biến động của nền kinh tế thị trường đã làm cho TSCĐ bị hao mòn một cách nhanh chóng vì vậy cần thiết phải thường xuyên đánh giá và đánh giá lại TSCĐ để có thể hạch toán được một cách chính xác phần giá trị TSCĐ khấu hao chuyển dịch vào chi phí SXKD của từng kỳ nhằm thu hồi vốn cố định đã bỏ ra.

1.4. Yêu cầu quản lý và nhiệm vụ của kế toán TSCĐ trong các doanh nghiệp

a, Yêu cầu quản lý TSCĐ

Xuất phát từ vai trò và đặc điểm của TSCĐ yêu cầu yêu cầu đặt ra trong công tác quản lý và tổ chức kế toán TSCĐ là:

TSCĐ khi đưa vào sử dụng phải được theo dõi chặt chẽ cả về mặt hiện vật giá trị. Về mặt hiện vật phải theo dõi quản lý từng loại TSCĐ gắn chặt với địa điểm bảo quản sử dụng, quản lý TSCĐ. Mọi trường hợp tăng giảm TSCĐ đều phải lập biên bản giao nhận TSCĐ theo đúng thủ tục quy định. Về mặt giá trị phải theo dõi và quản lý chặt chẽ về mặt nguyên giá cũng như giá trị còn lại của TSCĐ. Đáp ứng yêu cầu này đòi hỏi mỗi doanh nghiệp phải có phương pháp tính khấu hao thích hợp đối với từng loại TSCĐ nhằm đảm bảo thu hồi đủ vốn cố định đã bỏ ra nhằm trang bị đầu tư mới khôi phục đảm bảo thu hồi đủ vốn cố định đã bỏ ra nhằm trang bị đầu tư mới khôi phục năng lực sản xuất khi TSCĐ cũ hỏng hóc hoặc hết thời gian sử dụng.

b, Nhiệm vụ của kế toán TSCĐ trong các doanh nghiệp

Để đáp ứng các yêu cầu quản lý kế toán TSCĐ phải thực hiện tốt các nhiệm vụ sau:

- Tổ chức ghi chép phản ánh tổng hợp số liệu một cách chi tiết đầy đủ kịp thời về số lượng và giá trị tài sản hiện có tình hình tăng giảm, di chuyển TSCĐ trong nội bộ doanh nghiệp nhằm giám sát chặt chẽ việc mua sắm đầu tư bảo uản và sử dụng TSCĐ ở doanh nghiệp.
- Phản ánh kịp thời giá trị hao mòn của TSCĐ trong quá trình sử dụng, phân bổ chính xác số khấu hao, các khoản dự phòng và chi phí tài chính.
- Tham gia lập kế hoạch sửa chữa và dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ, phản ánh chính xác chi phí thực tế và sửa chữa TSCĐ. Kiểm tra việc thực hiện kế hoạch và dự toán chi phí sửa chữa TSCĐ.
- Tham gia kiểm kê, kiểm tra định kỳ hay bất thường về TSCĐ, tham gia đánh giá lại TSCĐ khi cần thiết. Tổ chức phân tích tình hình bảo quản và sử dụng TSCĐ của doanh nghiệp.

1.5. Nội dung kế toán trong doanh nghiệp

Để theo dõi, quản lý chặt chẽ về hiện vật và giá trị cũng như tạo điều kiện cho việc tính toán chính xác kịp thời phần khấu hao TSCĐ chuyển vào chi phí sản xuất kinh doanh trong kỳ đòi hỏi mỗi doanh nghiệp sản xuất đều phải tổ chức thực hiện cả kế toán chi tiết và kế toán tổng hợp.

1.5.1 Kế toán chi tiết TSCĐ

Việc tổ chức thực hiện kế toán chi tiết về TSCĐ ở các doanh nghiệp thường có những nội dung chính như sau:

** Đánh số TSCĐ*

Đánh số TSCĐ là quy định mỗi TSCĐ có một số hiệu riêng theo nguyên tắc nhất định đảm bảo sự thống nhất trong phạm vi toàn doanh nghiệp.

Từng đối tượng ghi TSCĐ kể cả đang sử dụng và đang dự trữ phải có một số hiệu riêng. Số hiệu của từng đối tượng ghi TSCĐ không thay đổi trong suốt thời gian bảo quản và sử dụng tại doanh nghiệp. Kế toán không được sử dụng số hiệu của những tài sản đã thanh lý, biếu tặng đưa đi góp vốn liên doanh hay để bị mất mát để ghi cho những TSCĐ mới tăng thêm.

Các doanh nghiệp có thể tự đánh số TSCĐ theo cách riêng của mình sao cho phù hợp với đặc điểm cụ thể DN song cần phải đảm bảo số hiệu TSCĐ phải thể hiện được nhóm loại, đối tượng ghi từng TSCĐ riêng biệt.

** Kế toán chi tiết ở bộ phận kế toán doanh nghiệp*

Tại bộ phận kế toán DN kế toán chi tiết TSCĐ sử dụng thẻ TSCĐ số đăng ký thẻ TSCĐ, sổ TSCĐ toàn DN để theo dõi tình hình tăng giảm và hao mòn của DN thẻ TSCĐ được lập cho từng đối tượng ghi TSCĐ và lưu ở phòng kế toán trong suốt quá trình sử dụng TSCĐ đó. Sổ đăng ký thẻ TSCĐ được lập để đăng ký thẻ TSCĐ nhằm phát hiện nếu thẻ bị thất lạc. Sổ TSCĐ được mở riêng cho từng loại TSCĐ để tiện theo dõi tình hình tăng giảm và khấu hao của các TSCĐ trong từng loại. Nếu loại TSCĐ có nhiều nhóm thì nên chia sổ thành các phần để phản ánh đối tượng ghi sổ thuộc từng nhóm giúp cho việc sử dụng số liệu lập báo cáo định kỳ về TSCĐ được thuận tiện.

Căn cứ để ghi vào thẻ TSCĐ sổ TSCĐ, sổ đăng ký TSCĐ theo đơn sử dụng làm các chứng từ tăng giảm khấu hao TSCĐ đó là biên bản giao nhận thanh lý, sửa chữa TSCĐ, biên bản đánh giá lại TSCĐ, bảng tính và phân bổ khấu hao

** Kế toán chi tiết TSCĐ tại các nơi sử dụng bảo quản*

Việc theo dõi TSCĐ theo nơi sử dụng là cần thiết nhằm gắn trách nhiệm bảo quản và sử dụng TSCĐ với từng bộ phận, từ đó nâng cao trách nhiệm và hiệu quả trong công tác bảo quản cũng như sử dụng TSCĐ của DN.

Tại các nơi sử dụng TSCĐ, sử dụng sổ TSCĐ theo đơn vị sử dụng để tiện theo dõi tình hình tăng giảm TSCĐ do từng đơn vị quản lý sử dụng. Mỗi đơn vị sử dụng phải mở một sổ riêng trong đó ghi TSCĐ tăng giảm của đơn vị mình theo các chứng từ và theo thứ tự thời gian phát sinh các nghiệp vụ đó.

1.5.2 Kế toán tổng hợp về TSCĐ

1.5.2.1 Tài khoản sử dụng

Để tổ chức công tác kế toán TSCĐ theo Luật kế toán, kế toán của các doanh nghiệp sử dụng các tài khoản sau:

TK 2112 Nhà cửa, vật kiến trúc

TK 2113 Máy móc thiết bị

TK 2114 Phương tiện vận tải, truyền dẫn.

TK 2115 Thiết bị dụng cụ quản lý.

TK 2116 Cây lâu năm, súc vật làm việc và cho sản phẩm.

Tk 2118 TSCĐ khác.

Cần theo dõi TSCĐ hữu hình riêng và TSCĐ vô hình riêng, hạch toán độc lập không lẫn lộn khó theo dõi.

Mỗi tài khoản trên được mở chi tiết theo từng loại TSCĐ phù hợp với yêu cầu quản lý và đặc điểm kinh doanh của từng doanh nghiệp.

1.5.2.2 Kế toán tổng hợp về TSCĐ hữu hình

a, Kế toán tổng hợp tăng TSCĐ hữu hình

Trong DN TSCĐ hữu hình tăng có nhiều nguyên nhân khác nhau như: tăng do mua ngoài, tăng do tự xây dựng hoặc tự chế, tăng do nhận vốn góp liên doanh... Việc tăng TSCĐ hữu hình trong mỗi trường hợp trên được kế toán hạch toán cụ thể như sau:

- Trường hợp TSCĐ mua theo phương thức trả chậm trả góp đưa về dùng ngay vào hoạt động sản xuất kinh doanh kế toán ghi:

Nợ TK 211 (Nguyên giá - giá mua trả ngay tại thời điểm mua hàng)

Nợ TK 133 (Thuế GTGT được khấu trừ nếu có)

Nợ TK 242 (Chi phí trả trước dài hạn – Phần lãi trả chậm là số chênh lệch giữa tổng số tiền thanh toán trừ giá mua tiền trả ngay trừ thuế GTGT nếu có) Có TK 331 (Phải trả cho người bán – Tổng giá thanh toán)

+ Định kỳ thanh toán cho người bán kế toán ghi:

Nợ TK 331 (Phải trả cho người bán)

Có TK 111, 112 (Số phải trả định kỳ bao gồm cả giá gốc và lãi trả chậm, trả góp phải trả định kỳ)

+ Đồng thời tính vào chi phí theo số trả chậm, trả góp phải trả từng kỳ, ghi:

Nợ TK 635 (Chi phí tài chính)

Có TK 242 (Chi phí trả trước dài hạn)

- Trường hợp DN được tài trợ biếu tặng TSCĐ đưa vào sử dụng ngay cho hoạt động sản xuất kinh doanh kế toán ghi:

Nợ TK 211 (TSCĐ hữu hình)

Có TK 711 (Thu nhập khác)

Các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa TSCĐ đó vào vị trí sẵn sàng sử dụng hợp lý, hợp lệ được tính vào nguyên giá của TSCĐ đó

Nợ TK 211 (TSCĐ hữu hình)

Có TK 11, 112, 331, 334...

- Trường hợp DN sử dụng TSCĐ là sản phẩm mình tự chế tạo ra để chuyển thành TSCĐ sử dụng cho hoạt động SXKD kế toán ghi:

Nợ TK 632 (Giá vốn hàng bán)

Có TK 155 (Thành phẩm – nếu xuất kho ra sử dụng)

Có TK 154 (Chi phí SXKD dở dang – nếu sản xuất xong đưa vào sử dụng ngay không qua kho)

Đồng thời ghi tăng TSCĐ hữu hình

Nợ TK 211 (TSCĐ hữu hình)

Có TK 512 (Doanh thu nội bộ – doanh thu là giá thành thực tế sản phẩm)

Chi phí lắp đặt, chạy thử ...có liên quan đến TSCĐ hữu hình, ghi:

Nợ TK 211 (TSCĐ hữu hình)

Có TK 11, 113, 331...

- Trường hợp tăng TSCĐ thông qua trao đổi

+ Đối với trường hợp mua TSCĐ hữu hình dưới hình thức trao đổi với TSCĐ tương tự ghi nhận TSCĐ hữu hình tương tự do trao đổi và đưa vào sử dụng ngay cho hoạt động SXKD kế toán ghi:

Nợ TK 211 (Nguyên giá TSCĐ hữu hình nhận về ghi theo giá trị còn lại của TSCĐ đem đi trao đổi)

Nợ TK 214 (Giá trị đã khấu hao của TSCĐ đem đi trao đổi)

Có TK 211 (Nguyên giá TSCĐ hữu hình đưa đi trao đổi)

+ Đối với trường hợp mua TSCĐ hữu hình dưới hình thức trao đổi với TSCĐ hữu hình không tương ứng.

++ Khi giao TSCĐ hữu hình cho bên trao đổi, kế toán ghi giảm TSCĐ:

Nợ TK 811 – Chi phí khác (Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình đưa đi trao đổi

Nợ TK 214 - Hao mòn TSCĐ (Giá trị đã khấu hao)

Có TK 211 (Nguyên giá TSCĐ hữu hình)

Đồng thời ghi tăng thu nhập do trao đổi TSCĐ

Nợ TK 131 – Phải thu của khách hàng (Tổng giá thanh toán)

Có TK 711 – Thu nhập khác (Giá trị hợp lý của TSCĐ)

Có TK 333 – Thuế TGTG phải nộp

++ Khi nhận được TSCĐ hữu hình do trao đổi kế toán ghi:

Nợ TK 211 – TSCĐ hữu hình (Giá trị hợp lý của TSCĐ nhận được do trao

đổi)

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (Nếu có)

Có TK 131 – Phải thu khách hàng (Tổng giá thanh toán)

Trường hợp phải thu thêm tiền do giá trị hợp lý của TSCĐ đưa đi trao đổi lớn hơn giá trị hợp lý của TSCĐ nhận được do trao đổi thì khi nhận được tiền của bên có TSCĐ trao đổi kế toán ghi:

Nợ TK 111, 112 (Số tiền đã thu thêm)

Có TK 331 (Phải thu của khách hàng)

Trường hợp phải trả thêm tiền do giá trị hợp lý của TSCĐ đưa đi trao đổi nhỏ hơn giá trị hợp lý của TSCĐ nhận được do trao đổi thì khi trả tiền cho bên có TSCĐ trao đổi kế toán ghi:

Nợ TK 131 (Phải thu khách hàng)

Có TK 111, 112

- Trường hợp TSCĐ tăng do XDCB hoàn thành bàn giao đưa vào sử dụng cho SXKD căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ kế toán ghi:

Nợ TK 211

Có TK 241

Nếu tài sản hình thành qua đầu tư không thỏa mãn các tiêu chuẩn ghi nhận TSCĐ hữu hình theo quy định của chuẩn mực kế toán, ghi:

Nợ TK 152, 153 (Nếu là vật liệu, công cụ nhập kho)

Có TK 241 (XDCB dở dang)

- Trường hợp TSCĐ tăng do thu hồi vốn liên doanh với các đơn vị khác căn cứ vào biên bản bàn giao TSCĐ kế toán ghi:

Nợ TK 211 (Ghi theo giá của hội đồng liên doanh đánh giá lại)

Có TK 128 (Nếu vốn góp liên doanh ngắn hạn)

Có TK 222 (Nếu vốn góp liên doanh dài hạn)

- Trường hợp mua TSCĐ hữu hình là nhà cửa, vật kiến trúc gắn liền với quyền sử dụng đất, đưa vào sử dụng ngay cho hoạt động SXKD, ghi:

Nợ TK 211 – TSCĐ HH (Nguyên giá - chi tiết nhà cửa, vật kiến trúc)

Nợ TK 213 – TSCĐ VH (Nguyên giá - chi tiết quyền sử dụng đất)

Nợ TK 133 – Thuế GTGT được khấu trừ (nếu có)

Có TK 111, 112, 331...

- Đối với TSCĐ hữu hình hiện đang ghi trên sổ của doanh nghiệp, nếu không đủ tiêu chuẩn ghi nhận quy định trong chuẩn mực TSCĐ hữu hình, phải chuyển sang là công

cụ, dụng cụ, kế toán phải ghi giảm TSCĐ hữu hình

Nợ TK 214 – Hao mòn TSCĐ (Giá trị đã khấu hao)

Nợ TK 627, 641, 642 – Giá trị còn lại (Nếu giá trị còn lại nhỏ)

Nợ TK 242 – Chi phí trả trước dài hạn (Nếu giá trị còn lại lớn phải phân bổ dần)

Có TK 211 – TSCĐ hữu hình

- Chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu liên quan đến TSCĐ hữu hình như sửa chữa, cải tạo nâng cấp.

+ Khi phát sinh chi phí sửa chữa, cải tạo, nâng cấp TSCĐ hữu hình sau khi ghi nhận ban đầu, kế toán ghi:

Nợ TK 241 – XDCB dở dang

Có TK 112, 152, 331, 334...

+ Khi công việc sửa chữa, cải tạo, nâng cấp TSCĐ hoàn thành đưa vào sử dụng, ghi:

Nợ TK 211 – TSCĐ hữu hình

Có TK 241 – XDCB dở dang

+ Nếu không thoả mãn điều kiện kế toán ghi tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình theo quy định chuẩn mực kế toán, ghi:

Nợ TK 627, 641, 642 (Nếu giá trị nhỏ)

Nợ TK 242 – Chi phí trả trước dài hạn (Nếu giá trị còn lại lớn phải phân bổ dần)

Có TK 241 – XDCB dở dang

*** Sơ đồ trình tự kế toán tăng TSCĐ**

TK 111, 112, 331... TK 211

TSCĐ tăng do mua ngoài

TK 133

Thuế GTGT

được khấu trừ

(nếu có)

TK 331

TSCĐ mua trả góp

TK 242

Phân lãi

TK 711 trả chậm

TSCĐ hữu hình được biếu tặng

TK 512

TSCĐ hữu hình tự chế tạo, lắp đặt TK 133

TK 241

TSCĐ do XDCB hoàn thành

b, Kế toán giảm TSCĐ hữu hình

TSCĐ hữu hình có thể là do các nguyên nhân: thanh lý, nhượng bán góp vốn liên doanh, chuyển sang CCDC, đánh giá lại... Việc hạch toán giảm TSCĐ của DN tùy theo từng trường hợp cụ thể trên DN hạch toán như sau:

- Trường hợp TSCĐ hữu hình giảm do thanh lý nhượng bán, kế toán ghi:

Nợ TK 214 (Phần giá trị đã khấu hao)

Nợ TK 811 – Chi phí khác (Phần giá trị còn lại chưa khấu hao hết)

Có TK 211 (Ghi theo nguyên giá)

- Trường hợp TSCĐ hữu hình giảm do đem đi góp vốn liên doanh, căn cứ vào hợp đồng liên doanh, biên bản đánh giá lại TSCĐ... Kế toán ghi giảm TSCĐ hữu hình theo

bút toán sau:

Nợ TK 222 (Nếu vốn góp liên doanh là dài hạn) – Ghi theo giá của hội đồng liên doanh đánh giá

Nợ TK 128 (Vốn góp liên doanh ngắn hạn)

Nợ TK 214 (Phần giá trị đã khấu hao)

Nợ TK 811 (Nếu hội đồng liên doanh đánh giá phần giá trị còn lại nhỏ hơn so với giá trị còn lại thực tế của TSCĐ đem đi góp vốn liên doanh)

Có TK 211 (Ghi theo nguyên giá của TSCĐ đó)

Nếu giá do hội đồng liên doanh đánh giá phần giá trị còn lại thì ghi vào bên có của TK 711

- Trường hợp TSCĐ giảm do chuyển thành công cụ dụng cụ căn cứ chứng từ có liên quan kế toán ghi giảm TSCĐ theo bút toán sau:

Nợ TK 214 (Phần giá trị đã khấu hao)

Nợ TK 627, 641, 642 (Phần giá trị còn lại – nếu còn ít)

Nợ TK 242 Chi phí trả trước dài hạn (nếu phần giá trị còn lại lớn phải phân bổ dần)

Có TK 211 (Ghi theo nguyên giá)

- Trường hợp TSCĐ giảm do đánh giá lại. căn cứ vào biên bản đánh giá lại TSCĐ kế toán ghi:

Nợ TK 421 (Phần giá trị bị giảm khi đánh giá lại)

Có TK 211

- Đối với trường hợp TSCĐ bị mất mát khi kiểm kê căn cứ vào biên bản kiểm kê và quyết định xử lý của ban giám đốc DN, kế toán ghi:

Nợ TK 214 (Phần giá trị đã tính khấu hao)

Nợ TK 138, 334... (Phần cá nhân bồi thường)

Nợ TK 811 Chi phí khác (Phần DN tự chịu)

Có TK 211 (Nguyên giá TSCĐ)

*** Sơ đồ kế toán giảm TSCĐ**

TK 211 TK 811

Kế toán thanh lý TSCĐ (Phần giá trị còn lại)

TK 214

Phần giá trị đã KH

TK 222, 128

Kế toán đem TSCĐ góp vốn liên doanh dài hạn ngắn hạn và đầu tư khác

TK 412

Phần nguyên giá

bị đánh giá giảm Phần nguyên giá

được đánh giá lại tăng

TK 627, 641, 642

Nếu giá trị còn lại là nhỏ
TK 242

Nếu giá trị còn lại TK 811 là lớn

Phần DN tự chịu tổn thất

TK 214

phần giá trị TK 138, 334 đã khấu hao Phần cá nhân phải chịu bồi thường c, *Kế toán sửa chữa tài sản cố định*

Trong quá trình sử dụng TSCĐ bị hao mòn dần, năng lực sản xuất cũng bị suy giảm dẫn đến tình trạng hỏng không sử dụng được. để khôi phục lại năng lực sản xuất của TSCĐ đảm bảo quá trình sản xuất được liên tục không bị gián đoạn cần phải thường xuyên theo dõi sửa chữa TSCĐ.

- Khi phát sinh chi phí sửa chữa TSCĐ hoặc nâng cấp, cải tạo TSCĐ căn cứ vào các chứng từ có liên quan kế toán tiến hành ghi sổ theo theo bút toán sau:

Nợ TK 241 – XDCB

Có TK 111, 112, 152, 331, 334...

- Khi sửa chữa TSCĐ hoàn thành và đưa TSCĐ vào hoạt động nếu thỏa mãn điều

kiện được ghi tăng nguyên giá theo quy định của chuẩn mực kế toán thì kế toán ghi sổ như sau:

Nợ TK 211

Có TK 241

Nếu không thỏa mãn các điều kiện được ghi tăng nguyên giá TSCĐ hữu hình theo quy định kế toán ghi theo bút toán sau:

Nợ TK 627; 641; 642 (nếu chi phí phát sinh là nhỏ thì phân bổ luôn vào các TK phản ánh chi phí liên quan)

Nợ TK 242 chi phí trả trước dài hạn (nếu chi phí sửa chữa là lớn thì phân bổ dần)

Có TK 241 XDCB, chi tiết sửa chữa TSCĐ

d, Kế toán trích lập khấu hao tài sản cố định hữu hình

Đề hạch toán phân khấu hao TSCĐ kế toán sử dụng TK 214 – hao mòn TSCĐ. Tài khoản này có 3 tiểu khoản được mở chi tiết theo từng loại TSCĐ cụ thể là:

TK 2141 hao mòn TSCĐ hữu hình

TK 2142 hao mòn TSCĐ đi thuê

TK 2143 hao mòn TSCĐ vô hình

- Đối với TSCĐ hữu hình định kỳ tính trích khấu hao vào chi phí sản xuất kinh doanh kế toán ghi:

Nợ TK 623

Nợ TK 627 (6274)

Nợ TK 641

Nợ TK 642

Có TK 214

Đồng thời phản ánh tăng vốn khấu hao bằng cách ghi đơn vào bên Nợ TK 009 nguồn vốn khấu hao cơ bản

- Đối với TSCĐ dùng vào hoạt động sự nghiệp, chương trình dự án khi tính hao mòn vào thời điểm cuối năm kế toán ghi:

Nợ TK 466

Có TK 214

- Đối với TSCĐ dùng vào hoạt động văn hoá, phúc lợi khi tính khấu hao vào thời điểm cuối năm kế toán ghi:

Nợ TK 431 (4313)

Có TK 214

*** Sơ đồ kế toán khấu hao TSCĐ**

TK 214 TK 627, 641, 642

Trích khấu hao TSCĐ tính vào chi phí sản xuất
(Đối với TSCĐ dùng vào hoạt động SXKD)

TK 466

Trích khấu hao TSCĐ
dùng vào hoạt động sự nghiệp

TK 431 Trích khấu hao TSCĐ dùng vào hoạt động phúc lợi

1.5.2.3 Kế toán tổng hợp tài sản cố định thuê tài chính

Để thực hiện hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến TSCĐ thuê tài chính kế toán sử dụng TK 212 – TSCĐ thuê tài chính. Những nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến TK này được hạch toán như sau:

- Khi trả tiền thuê nhà TSCĐ và lãi cho bên cho thuê tài chính kế toán ghi

Nợ TK 315

Có TK 111, 112...

+ Cuối kỳ tính trích lập khấu hao TSCĐ thuê tài chính vào chi phí SXKD theo chế độ kế toán ghi sổ theo bút toán sau:

Nợ TK 623, 627, 641, 642

Có TK 214 (Chi tiết TK 2142)

- Trường hợp khi hết đồng thuê mà bên đi thuê mua luôn TSCĐ đó. Khi chuyển quyền sở hữu tài sản kế toán ghi giảm TSCĐ thuê tài chính và ghi tăng TSCĐ hữu hình theo bút toán.

Nợ TK 211

Có TK 212

Đồng thời chuyển giá trị hao mòn ghi:

Nợ TK 2142

Có TK 2141

1.5.2.4. Các hình thức sổ kế toán TSCĐ, căn cứ ghi sổ và trình tự ghi sổ

Để tổ chức công tác kế toán TSCĐ, nhân viên kế toán ở các doanh nghiệp phải sử dụng các mẫu sổ, bảng, biểu kế toán thống nhất do Bộ tài chính phát hành đó là: sổ cái TK 211, 212, 214, sổ theo dõi TSCĐ, thẻ TSCĐ, bảng tính và phân bổ khấu hao...

Việc ghi sổ kế toán liên quan đến các nghiệp vụ kinh tế về TSCĐ phải có căn cứ ghi sổ cụ thể và phải ghi theo một trình tự nhất định, căn cứ chủ yếu để ghi sổ là các chứng từ ghi sổ, các biên bản giao nhận, kiểm nghiệm TSCĐ và các chứng từ có liên quan khác. Đối với các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến tăng, giảm TSCĐ của doanh nghiệp, doanh nghiệp phải lập biên bản giao nhận, kiểm kê TSCĐ kế toán công ty căn cứ vào đó cùng với hoá đơn mua hàng và các chứng từ có liên quan tiến hành lập các chứng từ ghi sổ và căn cứ vào các chứng từ ghi sổ đó để ghi vào các sổ kế toán.

PHẦN II

Thực trạng kế toán TSCĐ hữu hình tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Du
Lịch Vĩnh Phúc

I. Đặc điểm chung của Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh

Phúc 1. Quá trình hình thành và phát triển của Công ty

Tên giao dịch của Công ty là Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch tỉnh Vĩnh Phúc. Công ty có trụ sở chính tại Phường Đồng Đa – Thị xã Vĩnh Yên – Tỉnh Vĩnh Phúc.

Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch tỉnh Vĩnh Phúc là một Công ty Cổ phần có tư cách pháp nhân được thành lập theo giấy phép số 1275 QĐ – UB cấp ngày 08/06/2001 của UBND tỉnh Vĩnh Phúc và giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 1903000005 cấp ngày 27/07/2001 của Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Vĩnh Phúc.

Hoạt động kinh doanh dịch vụ, du lịch là một ngành kinh doanh mang tính nhạy cảm cao vì sản phẩm ngành của ngành du lịch nhằm đáp ứng nhu cầu của người du lịch. Ngoài nhu cầu về đi lại thăm viếng các danh lam thắng cảnh, người đi du lịch còn có nhu cầu ăn, nghỉ, thưởng thức âm nhạc, vui chơi giải trí trong một số thời gian, nhu cầu về mua sắm đồ dùng, đồ lưu niệm... Như vậy, trong quá trình hoạt động của mình, ngành du lịch, phục vụ khách hàng thông qua việc tổ chức vận chuyển phục vụ ăn nghỉ, dịch vụ vui chơi giải trí câu lạc bộ theo nhu cầu của khách hàng.

Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch tỉnh Vĩnh Phúc có chức năng hoạt động chính là kinh doanh dịch vụ vui chơi giải trí dịch vụ ăn uống các loại (tại chỗ, lưu động phục vụ hội thảo, đám cưới...) cho thuê phòng nghỉ, hội trường, dịch vụ tắm xông hơi, câu lạc bộ, dịch vụ lữ hành trong nước và quốc tế, dịch vụ vận chuyển vé máy bay, cho thuê xe ô tô, vận chuyển khách du lịch.

2. Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty

Cơ cấu tổ chức bộ máy quản lý của Công ty. Bộ máy quản lý của Công ty được tổ chức theo mô hình của Công ty cổ phần bao gồm:

2.1. Đại hội đồng cổ đông

Đại hội đồng cổ đông là cơ quan thẩm quyền cao nhất của Công ty có toàn quyền quyết định mọi hoạt động kinh doanh của Công ty. Hội đồng cổ đông có trách nhiệm bầu và bãi nhiệm hội đồng quản trị, ban kiểm soát và các nhiệm vụ, chức vụ khác theo quy định và điều lệ đã được đặt ra của Công ty.

2.2. Hội đồng quản trị của Công ty

Hội đồng quản trị của công ty gồm có 5 thành viên trong đó có một Chủ tịch hội đồng quản trị, còn lại là các Ủy viên.

Hội đồng quản trị do Đại hội cổ đông bầu ra và bãi nhiệm theo nhiệm kỳ là 3 năm một lần và bầu ra một Hội đồng quản trị mới. Các thành viên của Hội đồng quản trị nhóm họp và để bầu ra một Chủ tịch hội đồng quản trị và một Phó chủ tịch Hội đồng quản trị

Những thành viên trong Hội đồng quản trị là những nhà lãnh đạo cấp cao, chủ chốt có kinh nghiệm quản lý và kinh doanh, có trình độ chuyên nghiệp cao của các cổ đông sáng lập ra Công ty. Bà Vũ Thị Lai là đại diện của cổ đông sáng lập và là Chủ tịch Hội đồng quản trị của Công ty. *2.3. Ban giám đốc của Công ty*

Ban giám đốc của Công ty bao gồm 4 thành viên trong đó có một Giám đốc, 2 Phó Giám đốc và một Kế toán trưởng, Các thành viên trong Ban Giám đốc là những người trực tiếp tham gia vào việc điều hành kinh doanh của Công ty do vậy các thành viên trong Ban Giám đốc của Công ty phải là những người hết sức năng động, có kinh nghiệm điều hành kinh doanh trong các ngành du lịch, dịch vụ, khách sạn... Giám đốc của Công ty là do Hội đồng quản trị bổ nhiệm hoặc miễn nhiệm, tuyển dụng theo yêu cầu của giám đốc, giám đốc của Công ty hiện nay là bà Vũ Thị Lai, kế toán trưởng của Công ty là bà Đào Ngọc Mai.

2.4. Các phòng ban trực thuộc

2.4.1. Phòng tài chính kế toán

Được thành lập nhằm thực hiện các chức năng:

- Thực hiện các công tác kế toán của Công ty
- Thực hiện các công tác tài chính
- Theo dõi thu chi của các bộ phận

Phòng tài chính kế toán có một trưởng phòng và 5 nhân viên kế toán. Trưởng phòng kế toán phụ trách trực tiếp và chịu trách nhiệm báo cáo với Giám đốc tình hình tài chính của Công ty.

Các thành viên trong phòng tài chính kế toán được hưởng mức lương khoán trên doanh thu của toàn Công ty.

2.4.2. Phòng lễ tân

Được thành lập nhằm thực hiện các chức năng sau:

- Đưa đón, nhận khách, trả khách vào nghỉ

- Phục vụ theo yêu cầu của khách với phương châm khách hàng luôn luôn đúng và khách là thượng đế. Phòng lễ tân có một trưởng phòng là bà Nguyễn Thị Vinh và 16 nhân viên. Trưởng phòng báo cáo và chịu trách nhiệm về mọi hoạt động của phòng với phó giám đốc phụ trách lễ tân. Các thành viên trong phòng được hưởng mức lương khoán tính

theo doanh thu của phòng.

2.4.3. Phòng lễ hành

Được thành lập nhằm thực hiện các chức năng sau:

- Xây dựng và triển khai các chương trình cho khách du lịch
- Tiếp cận, tiếp thị và thu hút khách du lịch đến với công ty
- Tổ chức các tour, tuyến du lịch đáp ứng nhu cầu thăm quan, du lịch của khách hàng
- Vận chuyển vé máy bay.

Phòng lễ hành (hay phòng khách đoàn) có một trưởng phòng là bà Nguyễn Thị Xuân Hồng và 7 nhân viên, trưởng phòng chịu trách nhiệm điều hành hoạt động của phòng, báo cáo tình hình hoạt động và chịu trách nhiệm trực tiếp với phó giám đốc phụ trách của Công ty.

Các thành viên trong phòng lễ hành được hưởng mức lương khoán tính theo doanh thu bán vé và du lịch cho khách.

2.4.4. Phòng tổ chức hành chính

Được thành lập nhằm thực hiện các chức năng sau:

- Quản lý, nắm bắt tình hình sử dụng, bố trí lao động trong Công ty
- Tổ chức tuyển dụng lao động, cán bộ quản lý theo đúng yêu cầu của ban giám đốc và hội đồng quản trị đề ra.
- Sắp xếp nhân sự vào công tác, làm việc theo đúng chức năng và chuyên môn yêu cầu.

Phòng tổ chức cũng có một trưởng phòng tổ chức hành chính có trách nhiệm báo cáo trực tiếp với giám đốc Công ty. Lương của nhân viên trong phòng được tính theo doanh thu trên toàn Công ty.

2.4.5. Phòng câu lạc bộ

Được thành lập và hoạt động nhằm thực hiện các chức năng sau:

- Phục vụ chơi bi a ...
- Tổ chức các chương trình vui chơi ca nhạc cho khách hàng
- Phối hợp với các đơn vị có những chương trình khác đáp ứng các nhu cầu của

khách hàng.

Phòng câu lạc bộ có trưởng phòng là ông Ngô Việt Hà và 8 nhân viên, trưởng phòng tổ chức câu lạc bộ hoạt động báo cáo và chịu trách nhiệm trực tiếp của phòng với phó giám đốc phụ trách tiếp thị

Các thành viên trong phòng được hưởng mức lương khoán tính theo doanh thu của phòng.

2.4.6. Phòng bàn, bếp

Được thành lập nhằm thực hiện các chức năng sau:

- Phục vụ khách hàng ăn uống theo yêu cầu
- Luôn tìm hiểu nhu cầu ẩm thực của từng lượt khách đến với Công ty.

Phòng bàn, bếp có một trưởng phòng là ông Lê Quang Chính và 9 nhân viên, trưởng phòng chịu trách nhiệm báo cáo về hoạt động của phòng với phó giám đốc phụ trách Công ty.

Lương của nhân viên trong phòng được hưởng tính theo doanh thu hoạt động của phòng.

2.4.7. Phòng massage

Được thành lập nhằm thực hiện các chức năng sau:

- Phục vụ xông hơi, xoa bóp vật lý trị liệu

Phòng massage có một trưởng phòng là ông Hoàng Văn Sơn, 1 quản lý và 15 nhân viên. Trưởng phòng chịu trách nhiệm báo cáo tình hình hoạt động của phòng và có trách nhiệm trực tiếp trước phó giám đốc.

Lương của nhân viên trong phòng được hưởng tính theo doanh thu hoạt động của phòng.

Sơ đồ bộ máy quản lý của Công ty

Đại Hội Cổ Đông

Hội đồng quản trị

3.1. Chức năng, nhiệm vụ từng bộ phận trong phòng kế toán.

- Kế toán trưởng: Kế toán trưởng là người tổ chức, điều hành bộ máy kế toán, kiểm tra và thực hiện việc ghi chép và luân chuyển chứng từ. Ngoài ra, kế toán trưởng còn là người hướng dẫn, chỉ đạo việc lưu trữ tài liệu, sổ sách kế toán, lựa chọn và cải tiến hình thức kế toán cho phù hợp với tình hình sản xuất kinh doanh của công ty. Chức năng quan trọng nhất của Kế toán trưởng là tham mưu cho Giám đốc và cùng Giám đốc đưa ra những quyết định đúng đắn trong sản xuất kinh doanh của công ty .

- **Kế toán vật liệu:** Ghi chép, phản ánh tình hình sử dụng vật liệu của nhà bếp trong mọi khâu nhập, xuất vật liệu

- **Kế toán tiền lương và BHXH:** Phụ trách việc hoạch toán tiền lương, BHXH,

BHYT, KPCĐ, tiền công, tiền thưởng và các khoản trả khác cho người lao động.

- **Kế toán mua hàng và bán hàng:** Theo dõi và hạch toán các khoản thanh toán của khách hàng khi mua hàng hoá, dịch vụ của công ty, trực tiếp mở sổ theo dõi chăm sóc đối với khách hàng quen thuộc. Theo dõi tình hình tiêu thụ hàng hoá dịch vụ của công ty về mặt giá trị.

- **Kế toán thanh toán với ngân hàng:** Phụ trách việc vay trả ngân hàng, hạch toán và giải quyết các công việc của công ty với ngân hàng.

- **Thủ quỹ:** Quản lý và giám sát tiền mặt tại công ty hàng ngày.

3.2. Sơ đồ tổ chức bộ máy kế toán

Kế toán trưởng



4. Tình hình tổ chức kế toán của công ty.

4.1. Kỳ hạch toán

Công ty thực hiện chế độ kế toán theo Luật Kế toán, sử dụng hệ thống tài khoản và hạch toán kế toán theo đúng yêu cầu và quy định của Nhà nước. Trong quá trình sử dụng Công ty có mở các tài khoản chi tiết tương ứng với tài khoản tổng hợp để hạch toán phù hợp với tình hình và đặc điểm kinh doanh thực tế của Công ty.

Niên độ kế toán của Công ty được tính theo năm dương lịch bắt đầu từ ngày 1/1 đến ngày 31/12 hàng năm.

4.1, Trình tự hạch toán được ghi chép theo sơ đồ sau:

Chứng từ gốc

Sổ thẻ chi tiết

Sổ cái

Bảng tổng hợp chi tiết

Sổ quỹ Bảng cân đối số phát
Sổ đăng ký chứng từ sinh
gốc
Chứng từ ghi sổ

Báo cáo tài
chính

Ghi chú

Ghi hàng ngày

Ghi cuối tháng

Đối chiếu

5. Thực tế tổ chức công tác kế toán TSCĐ hữu hình tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc

Công ty cổ phần thương mại du lịch Vĩnh Phúc tuy mới thành lập và đi vào hoạt động được năm năm nhưng Công ty có một quy mô về tài sản cố định, tính đến năm 2005 tổng giá trị TSCĐ của Công ty là 5.306.633.000 VNĐ, ngoài ra còn có những công trình, hạng mục công trình, những thiết bị mà Công ty đang xây dựng lắp đặt. TSCĐ của Công ty cổ phần thương mại du lịch Vĩnh Phúc một phần là mới xây dựng một phần là cổ phần hoá từ khách sạn Vĩnh Yên. Với khối lượng tài sản như vậy để quản lý và sử dụng có hiệu quả, tận dụng tối đa công suất của nhà cửa, thiết bị hiện có, Công ty đã tiến hành phân loại TSCĐ phân cấp quản lý và tiến hành tổ chức công tác kế toán về TSCĐ cụ thể như sau:

5.1, Phân loại TSCĐ của Công ty

Đáp ứng yêu cầu của công tác quản lý và tổ chức sử dụng TSCĐ toàn bộ TSCĐ của Công ty được phân loại theo những tiêu thức sau:

- Phân loại tài sản theo đặc trưng kỹ thuật:

Theo cách phân loại này, TSCĐ của Công ty được chia thành:

+ Nhà cửa, vật kiến trúc: 2.055.212.537 VNĐ

- + Thiết bị, dụng cụ quản lý: 1.022.421.141 VNĐ
- + Phương tiện vận tải: 753.000.000 VNĐ
- + Dụng cụ quản lý: 256.000.000 VNĐ
- Phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành:
Theo cách phân loại này TSCĐ của Công ty được chia thành:
- + TSCĐ được đầu tư bằng nguồn vốn tự có:
- + TSCĐ được đầu tư bằng nguồn vốn vay:

5.2, Đánh giá TSCĐ

Toàn bộ TSCĐ của Công ty được đánh giá theo nguyên giá và giá trị còn lại. Nguyên giá TSCĐ của Công ty được xác định theo giá phí, tuân thủ theo đúng chuẩn mực kế toán và TSCĐ, hay nói cách khác nguyên giá TSCĐ là toàn bộ chi phí mà DN phải bỏ ra để có được TSCĐ đó và đưa TSCĐ đó vào sẵn sàng sử dụng.

- Đánh giá TSCĐ theo nguyên giá
- Đánh giá TSCĐ theo giá trị hao mòn

Giá trị còn lại TSCĐ = Nguyên giá TSCĐ - Giá trị hao mòn TSCĐ

6. Tổ chức kế toán chi tiết TSCĐ tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc

6.1. Kế toán chi tiết TSCĐ tại phòng kế toán

Tại Phòng kế toán Công ty sử dụng thẻ TSCĐ, sổ đăng ký thẻ TSCĐ và sổ TSCĐ. Thẻ TSCĐ được mở cho từng TSCĐ riêng biệt trong đó có số hiệu của TSCĐ đó, sổ đăng ký thẻ được mở đăng ký thẻ và theo dõi TSCĐ nhằm tránh mất mát thẻ. Sổ theo dõi TSCĐ được mở để theo dõi chi tiết tình hình biến động tăng giảm TSCĐ của Công ty.

Căn cứ để ghi các sổ trên là: biên bản giao nhận TSCĐ, biên bản thanh lý TSCĐ và những chứng từ có liên quan khác. Ngoài ra bộ phận kế toán Công ty còn mở sổ chi tiết tăng, giảm TSCĐ để theo dõi chi tiết tình hình biến động TSCĐ của Công ty. Mỗi khi có TSCĐ tăng thêm Công ty lập bản nghiệm thu TSCĐ, biên bản này được lập cho từng đối tượng TSCĐ, sau đó giao cho đơn vị sử dụng TSCĐ đó đồng thời phân công, phân nhiệm quản lý và sử dụng TSCĐ đó.

Khi có TSCĐ giảm do thanh lý nhượng bán... Công ty lập ban kiểm định TSCĐ cùng với bên nhận TSCĐ ký tên xác nhận vào biên bản thanh lý, chuyển nhượng TSCĐ. Ban kiểm định sẽ tiến hành đánh giá TSCĐ theo tình trạng kỹ thuật hiện hành sau đó lập biên bản thanh lý, nhượng bán TSCĐ. Kế toán Công ty lập các chứng từ ghi sổ có liên quan, căn cứ vào đó tiến hành ghi giảm TSCĐ, xóa sổ TSCĐ đó trên sổ TSCĐ của Công ty và lưu giữ lại thẻ TSCĐ.

VD: Ngày 06/10/2005 công ty mua một tủ lạnh Hitachi với chi phí mua, chi phí vận chuyển, lắp đặt hết 5.500.000 đồng.

Vĩnh Phúc

Thẻ tài sản cố định Số 91

Ngày lập: 06/10/2005

Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 56 ngày 05 tháng 10 năm 2005 Tên, ký hiệu, quy cách TSCĐ: Tủ lạnh Hitachi

Nước sản xuất: Nhật Bản sản xuất: 2005 Bộ phận sử dụng: Nhà ăn Năm đưa vào sử dụng: 2005 Công suất thiết kế:

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày... tháng....năm

Lý do đình chỉ:

Đơn vị: VNĐ

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn		
	Ngày tháng	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
56	6/10/05	Tủ lạnh Hitachi	5.500.000	2005	x	x

6.2. Kế toán tổng hợp TSCĐ tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc

Cũng như các Công ty khác để hạch toán TSCĐ kế toán, Công ty cổ phần thương mại du lịch Vĩnh Phúc sử dụng TK 211, 212, 214 cùng các TK có liên quan khác và các

sổ kế toán theo quy định. Việc ghi sổ kế toán đều căn cứ vào các chứng từ, hệ thống sổ của Công ty được tổ chức theo hình thức chứng từ ghi sổ.

a, Kế toán tăng TSCĐ

Trong năm 2005 Công ty có một số nghiệp vụ liên quan đến tình hình tăng TSCĐ của Công ty như: tăng do mua ngoài bằng vốn tự có, tăng do mua ngoài bằng nguồn vốn vay dài hạn từ ngân hàng. Dưới đây là tình hình tổ chức hạch toán các nghiệp vụ trên Công ty.

- Hạch toán TSCĐ tăng do mua ngoài bằng nguồn vốn tự có

Công ty đã dùng tiền khấu hao cơ bản để mua sắm TSCĐ.

Khi dùng nguồn vốn khấu hao TSCĐ để đầu tư mua sắm TSCĐ hoàn thành đưa vào sử dụng, kế toán chỉ ghi tăng giá trị TSCĐ, không ghi tăng nguồn vốn kinh doanh nhưng phải ghi giảm nguồn vốn khấu hao.

VD: Ngày 01/10/2005 công ty mua một ô tô Toyota 12 chỗ của nhật phục vụ cho kinh doanh dịch vụ lữ hành theo hoá đơn giá trị gia tăng số 06: giá chưa có thuế GTGT: 367.857.000 VNĐ thuế GTGT 5%. Chi phí chạy thử hết 1.000.000 đ. Công ty chuyển tiền gửi ngân hàng để thanh toán cho người bán (Công ty nộp thuế GTGT theo phương pháp khấu trừ)

Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh
Phúc

Vĩnh Yên, ngày 28/9/2005

Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Tờ trình

(Về việc xin mua xe ô tô)

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh

Phúc Thực hiện điều lệ của đại hội cổ động, phòng lữ hành xin trình bày một

việc sau: - Do đặc thù riêng của công việc là vận chuyển khách theo tua

tuyến trọn gói - Do nhu cầu thị trường đòi hỏi phải có xe chất lượng cao,

theo phương châm khách hàng là thượng đế

- Do công việc kinh doanh ngày càng phát triển, số xe hiện tại không đáp ứng đủ với nhu cầu của khách

Vậy phòng lữ hành đề nghị công ty cho mua một chiếc xe ô tô Toyota 12 chỗ mới 100% để phục vụ cho việc kinh doanh được thuận tiện và phát triển hơn.

Duyệt của CT hd quản trị Phòng lữ hành

Hoá đơn bán hàng

Ngày 01 tháng 10 năm 2005

Đơn vị bán hàng: Công ty liên doanh Toyota giải phóng

Địa chỉ: 807 đường Giải Phóng – Hà Nội

Điện thoại Mã số thuế: 010077390201

Họ tên người mua: Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc

Địa chỉ giao hàng: Tại phòng giới thiệu sản phẩm

Hình thức thanh toán: Tiền chuyển khoản

Số hiệu TK Mã số thuế : 25000209950

TT	Tên quy cách hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Ôtô 12 chỗ Toyota		Chiếc	01	367.857.000	367.857.000
	Cộng					367.857.000
	5% thuế GTGT					18.393.000
	Tổng thanh toán					386.250.000

Bằng chữ: (Ba trăm tám mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng chẵn)

Người mua

hàng (Đã ký)

Kế toán

trưởng (Đã
ký)

Thủ trưởng đơn
vị (Đã ký)

Phúc

Biên bản giao nhận

Số: 54

Ngày 01/10/2005

Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh

Căn cứ vào hợp đồng mua bán được ký kết giữa 2 bên ngày 29/9/2005 Ông:

Nguyễn Công Huân Chức vụ: Trưởng phòng KD đại diện bên bàn giao Bà:

Đào Ngọc Mai Chức vụ: Kế toán trưởng đại diện bên nhận

Điểm giao nhận: Tại Phòng giới thiệu sản phẩm của công ty

Đơn vị tính: Triệu đồng

ST T	Tên ký hiệu TSCĐ	Số hiệu TSC Đ	Nước sản xuất	Năm đưa vào sử dụng	Công suất	Tính nguyên giá			Tỷ lệ hao mòn %
						Giá mua	Chi phí chạy thử	Nguyên n giá	
01	Ôtô 12 chỗ Toyota	PLH	LD tại VN		Ôtô 12 chỗ	367.857	1.000	368.857	12

	Cộng					367.857	1.000	368.857	

Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc

Thẻ tài sản cố định
 Số: 89
 Ngày 01/10/2005

Căn cứ vào biên bản giao nhận TSCĐ số 54 ngày 01 tháng 10 năm 2005 Tên, ký hiệu, quy cách TSCĐ: Ôtô Toyota 12 chỗ
 Nước sản xuất: Liên doanh Toyota Việt Nam Năm sản xuất: 2005
 Bộ phận sử dụng: Phòng lễ hành Năm đưa vào sử dụng: 2005
 Công suất thiết kế: 12 chỗ

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày..... tháng.....năm Lý do đình chỉ:

Đơn vị: VNĐ

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn		
	Ngày tháng	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng dồn
54	01/01/05	Ôtô Toyota	368.857	2005	x	x

Căn cứ vào tờ trình , hoá đơn trên và biên bản giao nhận TSCĐ kế toán công ty tiến hành lập phiếu chi và vào chứng từ ghi sổ

Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc

Phiếu chi Số: 315 Ngày 01/10/2005
 TK Nợ: 2114

Họ tên người nhận tiền : Nguyễn Thị Xuân Hồng
 Địa chỉ: Phòng lễ hành công ty
 Lý do chi: Thanh toán tiền chi phí chạy thử xe ô tô Toyota 12 chỗ
 Số tiền: Có TK 1111: 1.000.000 đ
 Bằng chữ: Một triệu đồng chẵn
 Kèm theo 03 chứng từ gốc

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập Thủ quỹ Người nhận tiền **Ủy nhiệm**

chi

Lập ngày 01/10/2005 Số: 315

Tên đơn vị trả tiền: Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc

Số tài khoản: 730100227A

Tại ngân hàng: Đầu tư phát triển Vĩnh Phúc

Tên đơn vị nhận tiền: Công ty liên doanh Toyota giải phóng

Số tài khoản: 0100773921

Tại ngân hàng: Đầu tư phát triển Hà Nội Số tiền bằng số: 386.250.000 đ

Số tiền bằng chữ: Ba trăm tám mươi sáu triệu hai trăm năm mươi nghìn đồng

chẵn Nội dung thanh toán: trả tiền mua xe ô tô

Đơn vị trả tiền (<i>Đã ký</i>)	Ngân hàng A (<i>Đã ký</i>)	Ngân hàng B (<i>Đã ký</i>)
----------------------------------	------------------------------	------------------------------

Chứng từ ghi sổ

Ngày 01/10/2005

Đơn vị tính: 1000 đồng

Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc

ST T	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Mua ô tô 12 chỗ	2114	1121	367.857	

2	Chi phí chạy thử	2114	1111	1.000	
	Cộng			368.857	

Căn cứ vào hoá đơn trên, và biên bản giao nhận TSCĐ kế toán công ty ghi tăng TSCĐ theo bút toán sau: Nợ TK 2111 368.857.000

Nợ TK 1332 18.393.000

Cổ TK 1121 386.250.000

Có TK 1111 1.000.000

Đồng thời ghi đơn

Nợ TK 009 387.250.000

Đồng thời với việc ghi chép kế toán tổng hợp, kế toán chi tiết, kế toán phải ghi vào sổ theo dõi TSCĐ tại nơi sử dụng ở bảng sau:

Trích sổ tài sản theo đơn vị sử dụng

Đơn vị: Công ty CPTM du lịch VP

Năm 2005

STT	Ghi tăng tài sản và công cụ lao động							Ghi giảm	
	Chứng từ		Tên nhãn hiệu, quy cách TSCĐ công cụ lao động nhỏ	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Số tiền	Chứng từ	
	Số hiệu	Ngày tháng						Số hiệu	Ngày tháng
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
									
1	35	25/9/04	Ôtô 4 chỗ	Chiếc	1	146.000	146.000	201	16/8/05
2	315	01/10/05	Ôtô Toyota 12 chỗ	Chiếc	1	368.857	368.857		
									
			Cộng						

Ngày 31 tháng 12 năm 2005

người ghi sổ

(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)

VD: Ngày 03/10/2005 Công ty mua một chiếc điều hoà TOSHIBA của doanh nghiệp Phú Thiết – Phường Ngô Quyền – thị xã Vĩnh Yên theo hoá đơn GTGT số 0102: giá mua chưa có thuế GTGT là 10.909.000 đồng thuế GTGT 10%, công ty đã

vay dài hạn ngân hàng công thương Vĩnh Phúc. Sau đó rút tiền về để tài trợ khoản mua trên.

Vĩnh Yên, ngày 01/10/2005
Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh
Phúc
Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam Tờ trình
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Kính gửi: Hội đồng quản trị Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh
Phúc Thực hiện điều lệ của đại hội cổ động, phòng lễ tân xin trình bày một
việc sau: - Do đặc thù riêng của công việc là phục vụ khách nghỉ
- Do nhu cầu thị trường đòi hỏi phải có phòng chất lượng cao, theo phương
châm khách hàng là thượng đế
- Do công việc kinh doanh ngày càng phát triển, một số phòng chưa có điều
hoà hiện tại không đáp ứng đủ với nhu cầu của khách
Vậy phòng lễ tân đề nghị công ty cho mua năm chiếc điều hoà Toshiba mới
100% để phục vụ cho việc kinh doanh được thuận tiện và phát triển hơn.

Duyệt của CT hd quản trị Phòng lễ tân

Hoá đơn bán hàng

Ngày 03 tháng 10 năm 2005

Đơn vị bán hàng: Doanh nghiệp PHÚ THIẾT

Địa chỉ: Phường Ngô Quyền – Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc

Họ tên người mua: Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc

Địa chỉ: Phường Đồng Đa – thị xã Vĩnh Yên – Vĩnh Phúc

Địa chỉ giao hàng: DN Phú Thiết Ngô Quyền – Vĩnh Yên

Hình thức thanh toán: Tiền mặt

Số hiệu TK Mã số thuế : 25000209950

TT	Tên quy cách hàng hóa	Mã số	Đơn vị tính	Số lượng	Đơn giá	Thành tiền
01	Điều hoà TOSHIBA	xv	Chiếc	01	10.909.000	10.909.000
	Cộng					10.909.000

suất thiết kế:

Đình chỉ sử dụng TSCĐ ngày..... tháng.....năm Lý do đình chỉ: Đơn vị:
VNĐ

Số hiệu chứng từ	Nguyên giá tài sản cố định			Giá trị hao mòn		
	Ngày tháng	Diễn giải	Nguyên giá	Năm	Giá trị hao mòn	Cộng đồn
55	03/01/05	Điều hoà Toshiba	10.909	2005	x	x

Căn cứ vào tờ trình , hoá đơn trên và biên bản giao nhận TSCĐ kế toán công ty tiến hành lập phiếu chi và vào chứng từ ghi sổ

Phúc

Phiếu chi Số: 316 Ngày 03/10/2005

Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh TK ghi có : 1111

Họ tên người nhận tiền : Nguyễn Hoa Vinh

Địa chỉ: Phòng lễ tân công ty

Lý do chi: Thanh toán tiền mua điều hoà

Toshiba Số tiền: 10.909.000 đ

Bằng chữ: Mười triệu chín trăm linh chín nghìn đồng

chẵn Kèm theo 04 chứng từ gốc

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập Thủ quỹ Người nhận tiền

Căn cứ vào hoá đơn bán hàng của bên bán và biên bản giao nhận tài sản kế toán công ty tiến hành lập chứng từ ghi sổ:

Chứng từ ghi sổ

Ngày 03/10/2005

Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh

Phúc

Đơn vị tính: 1000 đồng

ST T	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền	
		Nợ	Có	Có	Nợ
1	Điều hoà Toshiba	2113	1111	10.909	10.909

Căn cứ vào hoá đơn trên, và biên bản giao nhận TSCĐ kế toán công ty ghi tăng TSCĐ theo bút toán sau:

- Khi vay dài hạn ngân hàng kế toán ghi:

Nợ TK 1121 12.000.000

Có TK 341 12.000.000

- Khi rút tiền mặt tại ngân hàng về quỹ kế toán ghi:

Nợ TK 111 12.000.000

Có TK 1121 12.000.000

- Dùng tiền mặt mua TSCĐ kế toán ghi:

Nợ TK 2113 10.909.000

Nợ TK 133 1.091.000

Có TK 111 12.000.000

b, Kế toán giảm TSCĐ

VD: Ngày 07/10/2005 Công ty tiến hành thanh lý biển quảng cáo, nguyên giá 15.092.000 đ. Giá trị hao mòn lũy kế là 4.020.000 đ. Chi phí thanh lý bằng tiền mặt là 50.000.000 (theo phiếu chi số 319 ngày 07/10/2005). Trị giá vật liệu thu hồi do tháo dỡ biển là 1.500.000 đ. Đã nhập kho theo phiếu nhập kho số 23 cùng ngày.

Biên bản thanh lý

Ngày 07 tháng 10 năm 2005 Số: 56

Nợ:

Có:

Căn cứ vào quyết định số 38 ngày 04/7/2005 của Ban giám đốc Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc về việc thanh lý TSCĐ.

I. Ban thanh lý gồm:

Bà: Lê Thị Minh Huệ Chức vụ: Phó giám đốc

Bà: Đào Ngọc Mai Chức vụ: Phòng Tài vụ – Ủy viên Bà: Tạ Thị Tạo

Chức vụ: Người giữ tài sản **II. Tiến hành thanh lý TSCĐ**

- Tên, ký hiệu, quy cách TSCĐ: Biển quảng cáo

- Nước sản xuất: Việt Nam

- Năm sản xuất: 2005

- Năm đưa vào sử dụng: 2005

- Nguyên giá TSCĐ: 15.092.000 đ
- Giá trị hao mòn đã trích đến khi thanh lý: 4.020.000 đ
- Giá trị còn lại: 11.072.000 đ

III. Kết luận ban thanh lý:

Ngày 07/10/2005
Trưởng ban thanh lý

Kết quả thanh lý TSCĐ

- Chi phí thanh lý: 50.000 đ
- Giá trị thu hồi: 1.500.000 đ
- Đã ghi giảm sổ TSCĐ

Thủ trưởng đơn vị *Ngày 12/11/2005*

Kế toán trưởng

(Đã ký)

Phiếu chi Số: 317 *Ngày 01/10/2005* TK Nợ: 811 Có TK 1111

Họ tên người nhận tiền : Tạ Thị Tạo

Địa chỉ: Phòng hành chính

Lý do chi: Chi tiền thanh lý TSCĐ

Số tiền: 50.000 đ

Bằng chữ: Năm mươi nghìn đồng

Kèm theo 01 chứng từ gốc

Thủ trưởng đơn vị Kế toán trưởng Người lập

Phiếu nhập kho

Ngày 07/10/2005

Họ tên người giao hàng: Tạ Thị Tạo

Theo lệnh số 38 ngày 07 tháng 10 năm 2005 của Công ty Cổ Phần Thương
Mại Du Lịch Vĩnh Phúc

Nhập kho vật liệu

ST T	Tên vật liệu	Mã số	ĐVT	Số lượng		Đơn giá	Thành tiền
				Theo chứng từ	Thực nhập		
A	B	C	D	1	2	3	4
1	Vật liệu thu hồi		Kg	200	200	7.500	1.500.000 đ
	Cộng			200	200	7.500	1.500.000 đ
Bằng chữ: Một triệu năm trăm ngàn đồng							

Kế toán định khoản các nghiệp vụ như sau:

- Căn cứ vào phiếu chi số 317 ngày 07/10/2005

Nợ TK 811 50.000

Có TK 50.000

- Căn cứ vào phiếu nhập kho số 23 ngày 07/10/2005

Nợ TK 152 150.000

Có TK 711 150.000

- Căn cứ vào biên bản thanh lý TSCĐ số 56 ngày 07/11/2005

Nợ TK 214 4.020.000

Nợ TK 811 1.072.000

Có TK 2118 5.092.000

- Cuối kỳ kế toán xác định chênh lệch giữa thu và chi về thanh lý:

$$1.500.000 - (1.072.000 + 50.000) = 378.000$$

Nợ TK 911 378.000

Có TK 411 378.000

Chứng từ ghi sổ

Ngày 07/10/2005

Đơn vị tính: 1000 đồng

ST T	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
1	Thanh lý TSCĐ (Biên bản số 56)	214	2118	4.020.000	
2		811	2118	1.072.000	
	Cộng			5.092.000	

Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Tài khoản 211 (Tài sản cố định)

Phúc

Sổ cái

Tháng 10/2005

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền (1.000 đ)	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ		932.000	
			Số phát sinh trong kỳ			
01/10	315	1/1 0	Mua ô tô Toyota 12 chỗ	1121	367.857	
			Chi phí chạy thử	1111	1.000	
03/10	316		Mua điều hoà Toshiba	1111	10.909	
07/10	317		Thanh lý biển quảng cáo	214		4.020
				811		1.072
						
			Cộng phát sinh:			
			Dư cuối tháng:			

Bảng tính phân bổ khấu hao TSCĐ Tháng 10/2005

Đơn vị tính: 1000 đ

Chỉ tiêu	Tỷ lệ khấu hao hoặc thời gian sử dụng	Nơi sử dụng toàn DN		Chia ra các đối tượng chi phí	
		Nguyên giá TSCĐ	Số khấu hao	TK 627	TK 642
1. Số khấu hao trích tháng trước:			20.000	16.500	3.500
2. Số khấu hao tăng tháng này					
<i>Ôtô 12 chỗ Toyota</i>	<i>12%</i>	<i>368.857</i>	<i>3.688,57</i>	<i>3.688,57</i>	
<i>Điều hoà Toshiba</i>	<i>18%</i>	<i>10.909</i>	<i>1.636,35</i>	<i>1.636,35</i>	
Cộng tăng		379.766	5.342,92	5.342,35	
3. Số khấu hao giảm tháng này					
<i>Biển quảng cáo</i>	<i>24%</i>	<i>15.092</i>	<i>1.018,4</i>	<i>1.018,4</i>	
Cộng giảm		15.092	1.018,4	1.018,4	
Số khấu hao trích tháng này			24.323,52	20.824,61	3.500

Người lập biểu

Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc
Ngày 30 tháng 10 năm 2005

Kế toán trưởng
(ký, họ tên)

Chứng từ ghi sổ
Ngày 07/10/2005

Đơn vị tính: 1000 đồng

(Ký, họ tên)

Ngày	Diễn giải	TK đối ứng		Số tiền	Ghi chú
		Nợ	Có		
30/10	Bảng phân bổ khấu hao				
	TSCĐ	627	214	20.824,61	
		642		3.500,00	
	Cộng			24.324,52	

Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc
Sổ cái
Tài khoản 214 (Hao mòn TSCĐ)
Tháng 10/2005

Ngày tháng	Chứng từ		Diễn giải	TK đối ứng	Số tiền (1.000 đ)	
	Số	Ngày			Nợ	Có
			Số dư đầu kỳ			42.000
			Số phát sinh trong kỳ			
7/10	317	7/10	Thanh lý biển quảng cáo	211		4.020

						
			Cộng phát sinh:			
			Dư cuối tháng:			

trích bảng đăng ký mức trích khấu hao TSCĐ

Đơn vị: Công ty CPTM du lịch VP
ĐVT: 1000 đ

STT	Tên loại tài sản	Tình trạng sử dụng			Năm bắt đầu sử dụng	Thời gian sử dụng	Nguyên giá	Số HMLK	Giá trị còn lại
		Đang sử dụng	Mua mới	Mua cũ					
									
									
1	Ôtô TOYOTA 12 chỗ		X		2002	8	368.857		322.75
2	Điều hoà TOSHIBA		X		2002	5,5	10.909		8.926

3	Tủ lạnh HITACHI		X		2002	5,5	5.500		4.500
									
									
									

Bảng tổng hợp TSCĐ hữu hình

(Ngày 31/12/2005)

Đơn vị: Công ty CPTM du lịch VP

DVT: 1000 đ

STT	Nội dung	Tổng số	Nguyên giá TSCĐ		Giá trị hao mòn		Giá trị hao mòn lũy kế	
			NS	Tự có	NS	Tự có	NS	Tự có
	Tổng số			4.544.831		551.407		1407.882
1	Nhà cửa, vật kiến trúc			2.131.736		268.894		807.721
2	Máy móc thiết bị đang dùng			913.708		156.204		236.083
3	Phương tiện vận tải			1.124.190		96.137		275.053
4	Dụng cụ quản lý			375.197		30.172		89.025
5	TSCĐ khác							

Vĩnh Phúc, Ngày....tháng.....năm 2005

người lập kế toán trưởng giám đốc

trích số Tài sản cố định

Đơn vị: Công ty CPTM du lịch VP

Loại tài sản: Máy móc thiết bị

STT	Ghi tăng tài sản cố định						Khấu hao TSCĐ
	Chứng từ	Tên, đặc	Nước	tháng	Số	Nguy	khấu hao

	Số hiệu	Ngày tháng	điểm, ký hiệu TSCĐ	sản xuất	năm đưa vào SD	hiệu TSCĐ	ên giá TSCĐ	Tỷ lệ % KH	Mức khấu hao
	1	2	3	4	5	6	7	8	9
									
1	163	08/11/05	Máy hút ẩm SamSung	VN	12/05	218	67.500	12,5	8.437,5
2	316	03/10/05	Điều hoà TOSHIBA	Nhật	10/05	116	10.909	18	1.936,62
									
			Cộng						

ĐVT: 1000 đ

người ghi sổ
(ký, ghi rõ họ tên)

Kế toán trưởng (Ký, ghi rõ họ tên)

PHẦN III

Những ý kiến nhằm hoàn thiện tổ chức công tác kế toán TSCĐ hữu hình của Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc

1. Đánh giá khái quát về thực trạng tổ chức công tác kế toán của Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc

Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch tỉnh Vĩnh Phúc tuy mới thành lập và đi vào hoạt động được 5 năm nhưng với đội ngũ những nhà quản trị có trình độ cao, giàu kinh nghiệm trong công tác quản lý luôn đưa ra những quyết định có tính chiến lược giúp Công ty không ngừng lớn mạnh và ngày càng có vị thế trên thị trường.

Hiện nay Công ty đang đứng đầu trong lĩnh vực kinh doanh dịch vụ đa dạng trên tỉnh Vĩnh Phúc. với số lượng vốn điều lệ huy động được thông qua phát hành cổ phiếu trên thị trường. Công ty không ngần ngại bỏ vốn đầu tư xây dựng cơ sở vật chất, các hạng mục công trình phục vụ cho việc cấp dịch vụ. Chính vì vậy tính đến năm 2005 Công ty đã có một số lượng TSCĐ với giá trị lớn và không ngừng tăng lên trong các năm tới.

2. Những thành tích Công ty đã đạt được trong công tác kế toán TSCĐ hữu

hình + Về công tác quản lý TSCĐ

Công ty đã tổ chức công tác kế toán TSCĐ có thể nói là rất chặt chẽ và có quy củ với hệ thống sổ sách chứng từ đầy đủ thống nhất, tạo điều kiện cho việc theo dõi, quản lý và hạch toán các nghiệp vụ kinh tế phát sinh liên quan đến TSCĐ một cách dễ dàng, chính xác kịp thời đầy đủ.

Tài sản cố định của công ty được quản lý chặt chẽ cả về mặt hiện vật và mặt giá trị. Từ khi mua về cho tới khi đưa vào sử dụng, việc bảo quản TSCĐ ở Công ty được duy trì thường xuyên và kiểm tra chặt chẽ. Định kỳ hàng tháng Công ty trích khấu hao TSCĐ vào chi phí sản xuất theo đúng chế độ ban hành, do vậy mà vốn cố định được bảo toàn và thu hồi nhanh.

+ Về công tác kế toán:

Công ty áp dụng và xây dựng hệ thống chứng từ, mẫu biểu kế toán theo đúng quy định khi hạch toán TSCĐ, các trình tự, thủ tục luân chuyển chứng từ khi hạch toán TSCĐ khá chặt chẽ và khoa học.

Kế toán tổng hợp và kế toán chi tiết TSCĐ kết hợp chặt chẽ, cho phép cung cấp thông tin nhanh, chính xác cho nhà quản lý theo yêu cầu. Mặt khác Công ty áp dụng hình thức kế toán “Chứng từ ghi sổ” khá phù hợp với Công ty cũng như trình độ của kế toán Công ty trong giai đoạn hiện nay. Các loại sổ sách được mở theo đúng quy định, ghi chép rõ ràng khoa học và nề nếp. Trong công tác hạch toán TSCĐ, kế toán mở các sổ cũng như các bảng kê phù hợp, đáng ứng tốt yêu cầu quản lý TSCĐ, hàng tháng kế toán lập báo cáo TSCĐ theo đúng quy định do Bộ tài chính ban hành.

+ Về bộ máy kế toán

Bộ máy kế toán Công ty tổ chức theo kiểu tập trung, trình độ nhân viên kế toán cao đẳng, Đại học đáp ứng tốt các yêu cầu quản lý hiện tại của Công ty. Bộ máy kế toán Công ty thực sự tinh giảm song hoạt động rất hiệu quả.

Đạt được thành tích trên cũng là do Công ty bố trí hợp lý và khoa học khi giao nhiệm vụ cho từng kế toán viên.

Tuy nhiên cùng với các ưu điểm trên, trong công tác kế toán TSCĐ của Công ty cũng còn những tồn tại mà trong thời gian tới Công ty cần tiến hành nghiên cứu và đưa vào thực hiện.

3. Một số vấn đề còn tồn tại trong công tác kế toán TSCĐ ở công ty cổ phần thương mại du lịch vĩnh phúc.

Trong Công ty hiện nay chỉ có một người đảm nhiệm công tác kế toán TSCĐ và làm kế toán chi tiết, kế toán tổng hợp với khối lượng công việc nhiều họ đều phải đảm nhận nên hiệu quả công việc nhiều khi không cao.

Khi giao TSCĐ cho các phòng ban trực tiếp quản lý, sử dụng TSCĐ Công ty không phân công nhiệm vụ rõ ràng người có trách nhiệm bảo quản, giữ gìn TSCĐ nên việc quản lý theo dõi TSCĐ còn rất lỏng lẻo nhất là những TSCĐ có số lượng nhiều như bàn ghế, tủ...

Đến khi kiểm kê TSCĐ phát hiện những TSCĐ mất mát, hỏng hóc nhưng không quy được trách nhiệm cho ai nên Công ty tự phải gánh chịu tổn thất.

Về cách phân loại TSCĐ của Công ty: Công ty mới chỉ phân loại TSCĐ của mình theo đặc trưng kỹ thuật điều này hoàn toàn hợp lý song với khối lượng TSCĐ như vậy Công ty nên kết hợp với các cách phân loại TSCĐ khác như: phân loại theo nguồn hình thành, phân loại theo tình hình sử dụng để tiện theo dõi, bảo quản, lập kế hoạch trích khấu hao và phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐ.

Về công tác kiểm kê đáng giá lại TSCĐ Công ty không tiến hành thường xuyên mà chỉ tiến hành khi có sự biến động lớn về giá cả trên thị trường.

Thông qua bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ, Công ty không đưa số khấu hao TSCĐ phân bổ và chi phí bán hàng (TK 641)..., số khấu hao TSCĐ tăng, giảm trong tháng chưa đầy đủ, mà thực tế trong bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ của Công ty chỉ có phần chỉ tiêu số khấu hao TSCĐ trích trong tháng đó. Do đó mà ta không thể thấy được tình hình thực hiện kế hoạch khấu hao TSCĐ của Công ty thông qua bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.

Qua nghiên cứu số liệu kế toán năm 2005 và số liệu kế toán của các năm trước đó cho thấy: ở Công ty việc sửa chữa TSCĐ không tiến hành thường xuyên, liên tục nên một số tài sản đến thời kỳ phải bảo dưỡng, sửa chữa không làm được điều đó gây ảnh hưởng đến công việc kinh doanh của Công ty.

4. Một số ý kiến hoàn thiện công tác kế toán TSCĐ của Công ty cổ phần thương mại du lịch vĩnh phúc.

Xuất phát từ những hạn chế trên trong công tác tổ chức kế toán, phân tích tình hình trang bị, sử dụng TSCĐ của Công ty, căn cứ vào những quy định cụ thể về kế toán TSCĐ của Nhà nước tôi xin phép đưa ra những ý kiến sau hy vọng phần nào khắc phục được những hạn chế trên và nâng cao được chất lượng cũng như hiệu quả sử dụng TSCĐ của Công ty.

Đối với công tác kiểm kê và đánh

giá lại TSCĐ Công ty cần tiến hành thường xuyên hoặc định kỳ theo từng quý để có thể nắm bắt chính xác số hiện có và tình hình biến động tăng giảm TSCĐ của Công ty, tăng cường hiệu quả công tác quản lý, sử dụng TSCĐ đồng thời có sự điều chỉnh kịp thời về mặt giá TSCĐ và có kế hoạch điều chỉnh kịp thời hợp lý mức khấu hao của từng loại TSCĐ tính vào giá thành cung cấp dịch vụ nhằm đảm bảo thu hồi đủ vốn cố định đã bỏ ra.

Cụ thể là:

4.1. ý kiến thứ nhất: Công tác kế toán chi tiết TSCĐ.

Định kỳ các kế toán chi tiết về TSCĐ ở từng cơ sở phải báo cáo cho kế toán tổng hợp về TSCĐ số hiện có và tình hình biến động TSCĐ ở đơn vị mình phục trách để kế toán tổng hợp có số liệu cụ thể làm cơ sở lập kế hoạch trích khấu hao TSCĐ chính xác, kịp thời và qua đó giúp cho các nhà quản trị theo dõi được sát sao tình hình sử dụng TSCĐ của Công ty để có thể tiến hành phân tích và đưa ra những quyết định quản lý đúng đắn kịp thời nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng TSCĐ của Công ty.

Đối với việc bàn giao TSCĐ cho các đơn vị sử dụng, Công ty phải lập biên bản giao nhận TSCĐ theo mẫu cụ thể thống nhất đồng thời giao cho một người cụ thể trong đơn vị đó nhiệm vụ quản lý tài sản, nếu xảy ra mất mát tài sản thì người đó phải chịu trách nhiệm bồi thường cho Công ty. Việc làm này là cần thiết nó sẽ nâng cao tinh thần trách nhiệm của các nhân viên trong việc quản lý và sử dụng TSCĐ của Công ty, tránh được tình trạng TSCĐ mất mát mà không quy được trách nhiệm bồi thường cho ai.

Về việc phân loại TSCĐ của Công ty, Công ty không nên sử dụng duy nhất một cách phân loại TSCĐ theo đặc trưng kỹ thuật mà cần sử dụng kết hợp thêm các cách phân loại khác như: phân loại TSCĐ theo nguồn hình thành, phân loại TSCĐ theo tình hình sử dụng để tiện theo dõi, quản lý TSCĐ đồng thời giúp cho công tác lập kế hoạch sử dụng TSCĐ và công tác phân tích hiệu quả sử dụng TSCĐ được tiến hành dễ dàng, thuận lợi hơn.

Sử dụng TSCĐ theo cả chỉ tiêu giá trị và hiện vật. Kế toán dựa vào chứng từ tăng giảm TSCĐ, khấu hao TSCĐ và các chứng từ gốc liên quan. Phải theo hệ thống kế toán hiện hành.

4.2. ý kiến thứ hai: Kế toán khấu hao TSCĐ.

Để theo dõi tình hình tăng giảm khấu hao TSCĐ, kế toán Công ty có thể xem và đưa vào sử dụng “ Bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ như sau:”

Khi kế toán Công ty đưa vào sử dụng bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ theo mẫu này ngoài các chỉ tiêu khấu hao phải trích trong tháng, ta còn được số khấu hao TSCĐ trích trong tháng tăng, giảm và tăng, giảm ở loại việc thực hiện kế hoạch trích khấu hao trong năm tính đến thời điểm lập bảng tính và phân bổ khấu hao TSCĐ.

Kế toán sử dụng TK cấp 2

TK 2141 hao mòn TSCĐ hữu hình

TK 2142 hao mòn TSCĐ thuê tài chính.

4.3. ý kiến thứ ba: Công tác lập dự toán sửa chữa TSCĐ do thuê ngoài.

Công ty nên lập dự toán khi sửa chữa TSCĐ thường xuyên liên tục. Việc thực hiện lập dự toán giúp cho Công ty tính hết được các chi phí trong giá thành sửa chữa, được định khoản như sau:

Nợ TK 241

Có TK 627, 642

Chủ động khi ký kết hợp đồng kinh tế với bên thi công sửa chữa. Mặt khác khi Công ty lập dự toán chi phí sửa chữa lớn TSCĐ cho phép Công ty sửa chữa mang lại hiệu quả kinh tế cũng như tiết kiệm chi phí. Việc lập dự toán sửa chữa do Phòng kỹ thuật của Công ty đảm nhận, Giám đốc phê duyệt, sau đó Phòng kế toán thẩm định lại trước khi ký kết hợp đồng với người thầu cho phép tính hiệu quả và thiết thực khi hợp đồng được thực hiện.

Không để TSCĐ hư hỏng quá mới lập kế hoạch sửa chữa như vậy sẽ gây ảnh hưởng tới việc kinh doanh, và còn thiệt hại thêm về kinh tế.

Kết luận

Toàn bộ nội dung chuyên đề tốt nghiệp với đề tài “ *Hoàn thiện công tác hạch toán kế toán tài sản cố định hữu hình tại Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc*” phần nào đã nói lên trình tự và phương pháp tổ chức công tác kế toán TSCĐ ở các doanh nghiệp nói chung, đồng thời nêu bật tình hình thực tế tổ chức công tác kế toán TSCĐ của Công ty Cổ Phần Thương Mại Du Lịch Vĩnh Phúc.

tài liệu tham khảo

1. TS. Nguyễn Văn Công chủ biên – giáo trình “Kế toán doanh nghiệp trong kinh tế thị trường” - Đại học kinh tế quốc dân – năm 2004
2. Ts. Nghiêm Văn Lợi chủ biên – “Thực hành kế toán trong các doanh nghiệp” – Nhà xuất bản Thống kê - năm 2004
3. PGS – TS. Lê Thị Hoà - “Hướng dẫn thực hành kế toán doanh nghiệp” – Nhà xuất bản tài chính – năm 2004
4. Phạm Thị Gái - giáo trình “Kế toán doanh nghiệp sản xuất” – Học viện tài chính – Năm 2004